TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/KDTM-PT
Ngày 08-9-2023
V/v tranh chấp về Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Vũ Quang Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (viết tắt là VPBank); địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Quang H; địa chỉ: Tầng 6 số 152 Hoàng Văn Thụ, quận H1, thành phố H (theo Văn bản ủy quyền số 1776/2022/UQ-LCC-PƯN KHHDNMB ngày 18/8/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần K.H.V; địa chỉ trụ sở: Số 23 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận N, thành phố H

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, nơi cư trú: Tổ dân phố Thắng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố H; tạm trú: Số 8/27/175 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận N, thành phố H; chức vụ: Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Trung K, nơi cư trú: Tổ dân phố Thắng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố H; tạm trú: Số 8/27/175 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận N, thành phố H; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền Tr, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Hoàng Long, thị trấn Minh Đức, huyện T, thành phố H; nơi tạm trú: Số 20/1/315 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận N, thành phố H; đều có mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu M và bà Nguyễn Thị Thu H, nơi cư trú: Số 8/27/175 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận N, thành phố H; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà Tr, ông M, bà H: Ông Nguyễn Văn Th và ông Đinh Hữu Ch, đều là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Bạch Đằng Giang thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H và bà Trịnh Thị Huyền Tr

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty K.H.V vay vốn tại VPBank - Chi nhánh Hải Phòng, theo các Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121. 4117956-01-SME ngày 27/01/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01- SME ngày 19/08/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền là 4.870.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xi măng các loại. Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể các khoản vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018; Khế ước nhận nợ số: 090218-4117956-01-SME ngày 13/02/2018; số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/02/2022; lãi suất khi vay áp dụng là 7.8%/ năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả

nợ: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/ lần vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/03/2018.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021;

+ Khế ước nhận nợ số: 030821-4117956-01-SME ngày 03/08/2021; số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 03/08/2021 đến ngày 03/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.2%/năm, sau đóđược điều chỉnh theo thoả thuận tại hợpđồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 03/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 040821-4117956-01-SME ngày 04/08/2021; số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 04/08/2021 đến ngày 04/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.2%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 04/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 050821-4117956-01-SME ngày 05/08/2021; số tiền nhận nợ: 460.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 05/08/2021 đến ngày 05/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.2%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 05/02/2022: trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 060821-4117956-01-SME ngày 06/08/2021; số tiền nhận nợ; 460.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 06/08/2021 đến ngày 06/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.2%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 06/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 090821-4117956-01-SME ngày 09/08/2021; số tiền nhận nợ: 320.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 09/08/2021 đến ngày 09/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17,2%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 09/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 110821-4117956-01-SME ngày 11/08/2021; số tiền nhận nợ: 500,000,000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 11/08/2021 đến ngày

11/02/2022; lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.2%/năm; sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 11/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

3. Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021;

+ Khế ước nhận nợ số: 190821-4117956-01-SME ngày 19/08/2021: Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 19/08/2021 đến ngày 19/02/2022; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 19/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 230821-4117956-01-SME ngày 23/08/2021; Số tiền nhận nợ: 380.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 23/08/2021 đến ngày 23/02/2022; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 23/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 240821-4117956-01-SME ngày 24/08/2021; số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 24/08/2021 đến ngày 24/02/2022; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 24/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 270821-4117956-01-SME ngày 27/08/2021; số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 27/08/2021 đến ngày 27/02/2022; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng; thời hạn trả nợ : Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 27/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ số: 300821-4117956-01-SME ngày 30/08/2021; Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 30/08/2021 đến ngày 28/02/2022; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 10%/năm, sau đó được điều chỉnh theo thoả thuận tại hợp đồng. Thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán toàn bộ nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên ngân

hàng một lần vào ngày 28/02/2022; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là:

+ 01 xe oto Mazda, biển kiểm soát 15C-285.62, số khung 4DDXJW731081, số máy P4AT2449948, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060612 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2018, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018 mang tên Công ty Cổ phần K.H.V theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 090218-4117956-01-SME/TC ngày 12/02/2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 87,8m^2 thửa số 264 (tách từ thửa 01), tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại Tổ dân phố Trung Hành 8, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC561236, số vào sổ cấp GCN CS07723 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2016 cho ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu Hà theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2726/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất điện tích 51m^2, tại thửa số 170, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại 20/1/315 đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK879786, số vào sổ cấp GCN CH19279 do Ủy ban nhân dân quận (viết tắt là UBND) Ngô Quyền cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2725/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

Biện pháp bảo đảm khác:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 27/01/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 27/01/2021, bên bảo lãnh ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Hải Đ đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty K.H.V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956- 01-SME ngày 19/08/2021 ký giữa Công ty K.H.V và VPBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, Khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng VPBank đã giải ngân cho Công ty K.H.V số tiền 4.870.000.000 đồng. Công ty K.H.V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 05/10/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 20/4/2023 Công ty K.H.V còn nợ VPBank số tổng cộng: 6.235.093.500 đồng, trong đó: Nợ gốc 4.601.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn:

98.742.242, lãi quá hạn: 1.519.872.097 đồng, phạt lãi chậm trả 15.229.161 đồng, cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 37.664.477 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 181.149 đồng, lãi quá hạn: 6.206.379 đồng, phạt lãi chậm trả 26.949 đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 3.919.406.680 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.740.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 77.235.067 đồng, lãi quá hạn: 1.090.258.868 đồng, phạt lãi chậm trả 11.912.745 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 2.278.022.343 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.830.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 21.326.026 đồng, lãi quá hạn: 423.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 3.289.467 đồng.

VPBank yêu cầu bị đơn Công ty K.H.V phải trả ngân hàng VPbank tổng số tiền còn nợ như nêu trên và phải tiếp tục trả cho Ngân hàng VPbank các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty Cổ phần K.H.V thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Vpbank.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần K.H.V không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPbank, đề nghị Toà án tuyên VPbank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý nợ, cụ thể:

+ 01 xe oto Mazda, biển kiểm soát 15C-285.62, số khung 4DDXJW731081, số máy P4AT2449948, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060612 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2018, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018 mang tên Công ty Cổ phần K.H.V.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 87,8m^2 thửa số 264 (tách từ thửa 01), tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại Tổ dân phố Trung Hành 8, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC561236, số vào sổ cấp GCN CS07723 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2016 cho ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất điện tích 51m^2, tại thửa số 170, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại 20/1/315 đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK879786, số vào sổ cấp GCN CH19279 do UBND quận Ngô Quyền cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền T.

Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho VPBank, đề nghị ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Hải Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho VPBank theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPBank.

Bị đơn Công ty cổ phần K.H.V trong quá trình giải quyết vụ án: Đã được Toà án tiến hành tống đạt, niên yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không có lý do. Kết quả trả lời của Phòng Đ ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư Hải Phòng thể hiện Công ty K.H.V vẫn đang hoạt động, tuy nhiên trên thực tế Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Trung K thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (vợ ông K là người cùng cư trú đã nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết giao cho ông K), đồng thời Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông K không có mặt tại Toà án theo giấy triệu tập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải Đ và vợ là bà Trịnh Thị Huyền T trình bày:

Ông bà xác nhận đã dùng tài sản của vợ chồng ông bà để bảo đảm cho khoản vay của Công ty K.HV tại VPBank, cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 170, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại 20/1/315 đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK879786, số vào sổ cấp GCN CH19279 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2725/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

Vợ chồng ông bà và ông K (người đại diện theo pháp luật của Công ty K.H.V) là bạn bè. Do tin tưởng nên đã dùng tài sản trên để bảo đảm cho khoản vay của Công ty của ông K tại Ngân hàng theo các Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018, Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 03/8/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 230821-4117956-01-SME ngày 23/8/2021. Việc ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Hiện nay, Công ty K.H.V đang khó khăn không thanh toán được khoản nợ. Ông bà đề nghị Toà án buộc công ty K.H.V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đối với khoản nợ mà Ngân hàng thông báo, ông bà chỉ chịu trách nhiệm đối với Hợp đồng thế chấp mình đã ký kết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện thêm về thời gian và đưa ra mức tiền cụ thể để ông bà trả nợ thay một phần cho công ty K.H.V và xin rút tài sản thế chấp ra.

Ngoài ra ông Nguyễn Hải Đ xác nhận đã ký hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 27/01/2021 cho các khoản vay của công ty K.H.V tại Ngân hàng theo như nguyên đơn trình bày. Trường hợp công ty K.H.V không trả được nợ và các tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của công ty K.H.V, ông đồng ý chịu trách nhiệm với khoản nợ của công ty K.H.V bằng toàn bộ tài sản của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Mạnh và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Ông bà xác nhận đã dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty K.HV tại VPBank, cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 264 (tách từ thửa 01), tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại Tổ dân phố Trung Hành 8, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC561236, số vào sổ cấp GCN CS07723 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2016 cho ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2726/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

Bà H là em gái ông K. Do quan hệ anh em nên đã dùng tài sản trên để bảo đảm cho khoản vay của Công ty ông K tại Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018. Việc ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, khi ký kết hợp đồng ông hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, đã đọc Hợp đồng trước khi ký. Tuy nhiên ông bà cho rằng ông, bà không thế chấp tài sản để đảm bảo cho hai khoản vay của Công ty K.H.V tại Hợp đồng vay sau đó, cụ thể: Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 03/8/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 230821-4117956-01-SME ngày 23/8/2021 do khi ký kết các Hợp đồng này, ngân hàng không thông báo cho ông bà biết. Mãi đến sau này, khi ngân hàng thông báo về việc thu hồi tài sản để trả nợ cho ngân hàng ông bà mới biết hai khoản vay sau này. Quan điểm của ông bà là chỉ phải chịu nghĩa vụ đối với khoản vay của công ty K.H.V với số tiền vay cao nhất là 1.159.200.000 đồng theo như khoản 3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 15/5/2018 đã ký kết giữa hai bên.

Hiện nay, Công ty K.H.V đang khó khăn không thanh toán được khoản nợ. Ông bà đề nghị Toà án buộc công ty K.H.V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp công ty K.H.V không trả được nợ, ông bà đồng ý trả thay số tiền 1.159.200.000 đồng và đề nghị ngân hàng cho rút tài sản thế chấp của ông bà. Ông bà không chịu trách nhiệm đối với khoản vay của Công ty K.H.V tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 03/8/2021và Hợp đồng cho vay hạn mức số 230821-4117956-01-SME ngày 23/8/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thẩm định tại chỗ đối với 02 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định. Các tài sản thế chấp đều không thay đổi gì so vớ thời điểm thế chấp và không có tranh chấp với ai. Riêng đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda, biển kiểm soát 15C-285.62, Toà án không tiến hành thẩm định được do không xác định được chiếc xe đang ở đâu, người quản lý sử dụng chiếc xe là Công ty Cổ phần K.H.V do ông Nguyễn Trung K là người đại diện theo pháp luật cũng không có mặt tại Toà án.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã Căn cứ vào các điều 26, 35, 39,146, 147, 210, 227, 266 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các điều 298, 317, 318, 319, 335, 339, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, 94, 95, 98 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank:

- Buộc Công ty cổ phần K.H.V phải trả cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến 20/4/2023 là: 6.235.093.500 đồng, trong đó: Nợ gốc 4.601.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 98.742.242, lãi quá hạn: 1.519.872.097 đồng, phạt lãi chậm trả 15.229.161 đồng, cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 37.664.477 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 181.149 đồng, lãi quá hạn: 6.206.379 đồng, phạt lãi chậm trả 26.949 đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 3.919.406.680 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.740.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 77.235.067 đồng, lãi quá hạn: 1.090.258.868 đồng, phạt lãi chậm trả 11.912.745 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 2.278.022.343 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.830.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 21.326.026 đồng, lãi quá hạn: 423.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 3.289.467 đồng.

Công ty K.H.V tiếp tục phải chịu các khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 20/4/2023 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp Công ty K.H.V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VPBank, thì VPBank được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ, cụ thể tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 264 (tách từ thửa 01), tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại Tổ dân phố Trung Hành 8, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC561236, số vào sổ cấp GCN CS07723 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2016 cho ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2726/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 170, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại 20/1/315 đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK879786, số vào sổ cấp GCN CH19279 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2725/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

+ Đối với 01 xe oto Mazada, kiểm biển soát 15C-285.62, số khung 4DDXJW731081, số máy P4AT2449948 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060612 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2018, đăng ký lần ngày 07/02/2018 mang tên Công ty Cổ phần K.H.V, trường hợp nếu tìm thấy xe thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV, VIP được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để xử lý, thu hồi nợ.

Nếu các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV thì ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Hải Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2023, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo đề ngày 25/5/2023 của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H, bà Trịnh Thị Huyền T, ông Nguyễn Hải Đ và ông Nguyễn Hữu Mạnh nộp trực tiếp tại Tòa án. Đối với kháng cáo của bà H, bà T trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án xem xét, chấp nhận. Đối với kháng cáo của ông Đ, ông Mạnh quá thời hạn luật định mà không có lý do chính đáng, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn và không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Đ, ông Mạnh.

Bà H và bà T đều kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm do Bản án sơ thẩm chưa xem xét đến nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần K.H.V; nghĩa vụ tài sản bảo đảm cho khoản vay, nghĩa vụ thanh toán và trả lại GCNQSDĐ cho vợ chồng các bà là chưa đúng, thiếu khách quan, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là VPBank đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu: Bảng tổng hợp dư nợ của Công ty Cổ phần K.H.V tính đến hết ngày 20/4/2023 và các Quyết định về việc áp dụng biểu lãi suất Điều chuyển vốn nội bộ từ năm 2021 đến năm 2023; Quyết định về việc ban hành biểu lãi suất huy động vốn bằng VNĐ áp dụng đối với khách hàng cá

nhân từ năm 2019 đến năm 2020. Đồng thời, VPBank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà T, ông Đ, ông Mạnh cung cấp cho Tòa án Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của Công ty K.H.V kỳ sao kê từ ngày 01/7/2021 đến 31/12/2021. Bà H, bà T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, bà T, ông Đ, ông Mạnh trình bày: Đối với khoản nợ của bị đơn theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp cho Hội đồng xét xử Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của Công ty K.H.V thể hiện, toàn bộ nội dung về việc nhận nợ và trả nợ; theo đó, từ ngày 01/7/2021 đến 31/12/2021, Công ty K.H.V đã trả số tiền nợ là 5.101.207.291 đồng nên không có tài liệu nào thể hiện bị đơn còn nợ tiền. Mặt khác, nguyên đơn cũng không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc Công ty K.H.V đã thanh toán cho VPBank số tiền như thế nào. Sổ phụ cung cấp đã thể hiện tại ngày giải ngân thì VPBank cũng đã trừ nợ luôn nên việc VPBank khởi kiện và không có căn cứ, Công ty K.H.V đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Ngoài ra, về việc xử lý tài sản đảm bảo; theo Thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm ngày 17/11/2021 do VPBank gửi cho ông Đ, bà T thể hiện số tiền bảo đảm tối đa của tài sản là 779.200.000 đồng, dư nợ của khoản vay mà Công ty KHV vi phạm là 1.830.000.000 đồng tiền nợ gốc và 30.304.581 đồng tiền nợ lãi; tương tự ông Mạnh, bà H cũng nhận được thông báo và số tiền đảm bảo tối đa của tài sản là 1.159.200.000 đồng. Như vậy, tài sản đảm bảo của ông Đ, bà T, ông Mạnh, bà H chỉ đảm bảo cho một phần khoản vay mà Ngân hàng yêu cầu, Công ty K.H.V đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBank.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Bà Trịnh Thị Huyền T và bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm vì không xem xét đến nghĩa vụ trả nợ của công ty cổ phần K.H.V, nghĩa vụ tài sản bảo đảm cho khoản vay, nghĩa vụ trả nợ đối với những người liên quan, không giải quyết trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất cho những người liên quan.

Về nghĩa vụ trả nợ của công ty K.H.V: Các hợp đồng cho vay và hợp đồng cho vay hạn mức với VPBank đều được người đại diện theo pháp luật của công ty K.H.V là ông Nguyễn Trung K ký kết, xác nhận với tư cách đại diện cho công ty, hình thức

và nội dung các thỏa thuận trong hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đều phù hợp với quy định của pháp luật, do đó làm phát sinh hiệu lực buộc các bên phải thực hiện nghĩa vụ. Đối với thỏa thuận về lãi phạt chậm trả tối đa không quá 10%/năm, hợp đồng giữa các bên được ký sau năm 2017, phần lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả trong hạn phù hợp với điểm a, khoản 5 Điều 466 BLDS năm 2015 và được quy định cụ thể tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: *"Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả" và* điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định: "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn"*, do đó yêu cầu về việc trả tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người kháng cáo xuất trình sổ phụ tiền vay kiêm phiếu báo nợ và cho rằng Công ty KHV đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Nội dung thanh toán trên sổ phụ tiền vay không thể hiện rõ cho khoản vay nào. Phía luật sư cho rằng thời gian thanh toán ngay sau khi khách hàng được giải ngân nghĩa là đã thanh toán xong khoản vay. Tuy nhiên, ý kiến này không có cơ sở chấp nhận vì theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay là 6 tháng, trả gốc cuối kỳ thì việc nhận tiền vay xong lại trả ngay không phù hợp với thỏa thuận trên. Điều này chứng minh số tiền đã thanh toán thể hiện trong sổ phụ tiền vay không phải để thanh toán cho các khế ước nhận nợ mà Ngân hàng đang yêu cầu bị đơn phải trả.

Tại giai đoạn sơ thẩm, Ngân hàng đã xuất trình các bảng kê chi tiết về dư nợ tính đến thời điểm ngày 20/4/2023. Qua kiểm tra các bảng kê nhận thấy có căn cứ để chấp nhận số tiền công ty K.H.V còn phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến 20/4/2023 là: 6.235.093.500 đồng, trong đó: Nợ gốc 4.601.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 98.742.242, lãi quá hạn: 1.519.872.097 đồng, phạt lãi chậm trả 15.229.161 đồng, cụ thể từng hợp đồng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngân hàng cung cấp bảng kê tính lãi và quyết định thay đổi lãi suất qua từng thời kỳ để chứng minh cho việc thay đổi lãi suất. Tuy nhiên, theo bảng kê tổng hợp tại Tòa án cấp phúc thẩm, số tiền mà Ngân hàng yêu cầu Công ty KHV phải trả cao hơn số tiền yêu cầu tại Tòa án sơ thẩm. Ngân hàng cũng không kháng cáo về nội dung này, tại giai đoạn sơ thẩm Ngân hàng yêu cầu và đồng ý với số liệu như Tòa án sơ thẩm đã tuyên nên đề nghị giữ nguyên nội dung này của Bản án sơ thẩm.

Tòa án sơ thẩm đã tuyên nghĩa vụ thanh toán của công ty K.H.V đối với Ngân hàng. Qúa trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan chỉ yêu cầu công ty K.H.V phải trả nợ cho ngân hàng để giải chấp tài sản thế chấp của các ông, bà, không có yêu cầu độc lập về việc công ty K.H.V phải có nghĩa vụ trả nợ trực tiếp cho ông, bà trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm hoặc các ông, bà đứng ra trả nợ thay. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà T, bà H đối với việc xem xét nghĩa vụ trả nợ của công ty K.H.V đối với ông bà là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về nghĩa vụ tài sản bảo đảm cho khoản vay: Tại các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đều quy định tài sản thế *"bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với bên Ngân hàng trước, trong và sau khi ký kết hợp đồng này"*. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận việc ký hợp đồng thế chấp là tự nguyện, không có sự ép buộc. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của vợ chồng ông Mạnh – bà H, ông Đ – bà T để thanh toán cho khoản nợ của công ty K.H.V tại VPBank là đúng với thỏa thuận tại hợp đồng. Do tài sản thế chấp đang được bảo đảm cho khoản vay của công ty K.H.V, khoản vay này hiện chưa tất toán, do đó việc Tòa án không giải quyết việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Đối với xe ô tô Mazda BKS 15C-285.62, theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp ngày12/02/2018 tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên ngân hàng phát sinh từ: *Tất cả các hợp đồng tính dụng, văn bản.... ký giữa bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian* kể từ ngày 12/02/2018 đến ngày 12/02/2021. Như vậy, khoản vay phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021, tổng cộng tạm tính đến 20/4/2023 là 2.278.022.343 đồng không thuộc phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp này. Hiện không xác định được chiếc xe này đang ở đâu. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nếu tìm thấy xe thì Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để xử lý, thu hồi nợ; không xác định cụ thể phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp là chưa chính xác, gây khó khăn cho việc thi hành án. Mặt khác, tòa án sơ thẩm tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản để xử lý thu hồi nợ trong trường hợp nếu tìm thấy xe là chưa phù hợp với khoản 6 Điều 320 BLDS về trách nhiệm giao tài sản thế chấp để xử lý của bên thế chấp.

Ngoài ra, do sai sót trong việc soạn thảo văn bản, tại phần quyết định về tài sản thế chấp là xe ô tô Tòa án ghi sai tên nhãn hiệu xe (xe Mazda nhưng bản án ghi oto Mazada) và ghi *nếu tìm thấy xe thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV*, VIP *được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để xử lý, thu hồi nợ* là chưa đúng, chỉ có Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được quyền yêu cầu phát mại, trong vụ án không có chủ thể là VIP. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án nên cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà H, bà T.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, KSV đề xuất: Căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị Huyền T và bà Nguyễn Thị Thu H. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 20/4/2023 của TAND quận Ngô Quyền về việc tuyên phát mại đối với tài sản bảo đảm là xe ô tô Mazda như sau:

Đối với 01 xe ô tô Mazda, biển kiểm soát 15C-285.62, số khung 4DDXJW731081, số máy P4AT2449948 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060612 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2018, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018 mang tên Công ty Cổ phần K.H.V, trường hợp nếu tìm thấy xe thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để xử lý, thu hồi khoản nợ phát sinh từ 02 hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021 tạm tính đến ngày 20/4/2023 là 3.957.071.157 đồng (trong đó nợ gốc: 2.771.250.000 đồng, lãi trong hạn 77.416.216 đồng, lãi quá hạn 1.096.465.247 đồng, phạt lãi chậm trả 11.939.694 đồng)

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên những người kháng cáo là bà T, bà H không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là Công ty KHV và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Xét hiệu lực của các Hợp đồng cho vay và nghĩa vụ thanh toán:

[4] Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121.4117956-01-SME ngày 27/01/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/8/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo được ký giữa VPBank và Công ty K.H.V đều do người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có thẩm quyền ký trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; nội dung

không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện. VPBank đã tiến hành giải ngân cho Công ty K.H.V số tiền 4.870.000.000 đồng, Công ty K.H.V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình, do đó việc VPBank khởi kiện yêu cầu Công ty K.H.V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[5] Về việc xác định nghĩa vụ thanh toán: Đối với Khế ước nhận nợ số 090218-4117956-01-SME ngày 13/02/2018, lãi suất khi vay áp dụng là 7,8%/năm, lãi suất áp dụng được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay theo Khế ước nhận nợ; hết thời hạn này, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Theo Bảng kê tính lãi do VPBank cung cấp thể hiện đối với Khế ước nhận nợ này, Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất định kỳ phù hợp với các Quyết định thay đổi lãi suất của Ngân hàng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với các Khế ước nhận nợ số 030821-4117956-01-SME ngày 03/8/2021; Khế ước nhận nợ số 040821-4117956-01-SME ngày 04/8/2021; Khế ước nhận nợ số 050821-4117956-01-SME ngày 05/8/2021; Khế ước nhận nợ số 060821-4117956-01-SME ngày 06/8/2021; Khế ước nhận nợ số 090821-4117956-01-SME ngày 09/8/2021; Khế ước nhận nợ số 110821-4117956-01-SME ngày 11/08/2021 đều có lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 17,2%/năm. Các Khế ước nhận nợ số 190821-4117956-01-SME ngày 19/8/2021; Khế ước nhận nợ số 230821-4117956-01-SME ngày 23/8/2021; Khế ước nhận nợ số 240821-4117956-01-SME ngày 24/08/2021; Khế ước nhận nợ số 270821-4117956-01-SME ngày 27/8/2021; Khế ước nhận nợ số 300821-4117956-01-SME ngày 30/8/2021 đều có lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Theo các Khế ước nhận nợ này đều thể hiện lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lái suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ. Như vậy, lãi suất cho vay đối với các Khế ước nhận nợ này sẽ có sự điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất bán vốn của Ngân hàng, tuy nhiên, theo bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thì lãi suất áp dụng đối với các Khế ước nhận nợ này đều giữ nguyên không thay đổi.

[7] Đối với Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của Công ty K.H.V do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm và có ý kiến về việc Công ty K.H.V đã thanh toán hết số tiền nợ thể hiện tại Sổ phụ này: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Sổ phụ thể hiện, Công ty K.H.V có chuyển khoản thanh toán gốc quá hạn từ ngày 31/7/2021, tuy nhiên các khoản vay theo các khế ước nhận nợ mà VPBank khởi kiện được giải ngân từ ngày 03/8/2021 đến 23/8/2021, tại thời điểm này, các khoản vay này chưa quá hạn nên không phải thanh toán tiền nợ gốc quá hạn; mặt khác,

Công ty K.H.V trước đó đã có nhiều khoản vay tại VPBank, nội dung thanh toán không xác định việc thanh toán cho khoản nợ nào của Công ty K.H.V tại VPBank nên không có căn cứ để xác định việc Công ty K.H.V đã thanh toán luôn cho các khoản vay theo các Khế ước nhận nợ được giải ngân cùng ngày như Luật sư đã trình bày. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc Công ty K.H.V đã thanh toán hết số tiền nợ cho VPBank.

[8] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, VPBank đã cung cấp lại Bảng tổng hợp dư nợ của Công ty Cổ phần K.H.V và các Quyết định về việc thay đổi lãi suất bán vốn của VPBank thể hiện: Kể từ thời điểm Ngân hàng giải ngân khoản vay theo các khế ước nhận nợ, có sự biến động, thay đổi về lãi suất bán vốn nên số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả có sự thay đổi. Theo các Quyết định và đối chiếu Bảng tổng hợp dư nợ thì đối với các Khế ước nhận nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121.4117956-01-SME ngày 27/01/2021 thì tổng số tiền phải trả là 3.971.291.053 đồng (trong đó, số tiền gốc phải trả là 2.740.000.000 đồng, lãi trong hạn là 77.235.068, lãi quá hạn là 1.142.375.462 đồng, phạt chậm trả lãi là 11.680.523 đồng) - tăng 51.884.373 đồng; đối với các Khế ước nhận nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/8/2021 thì tổng số tiền phải trả là 2.318.364.580 đồng (trong đó, số tiền gốc phải trả là 1.830.000.000 đồng, lãi trong hạn là 21.326.027 đồng, lãi quá hạn là 463.810.807 đồng, phạt chậm trả lãi là 3.227.746 đồng) - tăng 40.342.237 đồng. Xét thấy, mặc dù việc điều chỉnh lãi suất bán vốn được thực hiện theo thỏa thuận tại các Khế ước nhận nợ nhưng tại đơn khởi kiện và các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, VPBank chỉ đề nghị tính lãi suất cố định đã thỏa thuận tại các Khế ước nhận nợ. Việc giữ nguyên mức lãi suất cố định là có lợi cho người vay, đồng thời VPBank và Công ty K.H.V cũng không có ý kiến, không kháng cáo về phần này. Do đó, để có lợi cho đương sự và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của VPBank, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên số tiền Công ty K.H.V phải thanh toán cho VPBank theo quyết định của bản án sơ thẩm, cụ thể: Công ty cổ phần K.H.V phải trả cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến 20/4/2023 là: 6.235.093.500 đồng, trong đó: Nợ gốc 4.601.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 98.742.242 đồng lãi quá hạn 1.519.872.097 đồng, phạt lãi chậm trả 15.229.161 đồng, cụ thể từng hợp đồng như sau:

[8.1] Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 37.664.477 đồng, trong đó: Nợ gốc 31.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 181.149 đồng, lãi quá hạn: 6.206.379 đồng, phạt lãi chậm trả 26.949 đồng

[8.2] Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 3.919.406.680 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.740.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 77.235.067 đồng, lãi quá hạn: 1.090.258.868 đồng, phạt lãi chậm trả 11.912.745 đồng.

[8.3] Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng: 2.278.022.343 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.830.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 21.326.026 đồng, lãi quá hạn: 423.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 3.289.467 đồng

[9] Xét hiệu lực của các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2726/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2725/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 090218-4117956-01-SME/TC ngày 12/02/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 27/01/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 27/01/2021 đều do những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự ký; ông Nguyễn Hải Đ và vợ là bà Trịnh Thị Huyền T; ông Nguyễn Hữu Mạnh và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H đều thừa nhận có ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên các Hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật và có hiệu lực, buộc những người ký kết phải thực hiện.

[10] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[11] Đối với nghĩa vụ trả nợ của Công ty K.H.V: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nghĩa vụ của Công ty K.H.V phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi (trong hạn, quá hạn); tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật; trong trường hợp Công ty K.H.V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình thì mới phát sinh nghĩa vụ bảo đảm của ông Đ, ông Mạnh, bà T, bà H. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của bà T, bà H.

[12] Đối với việc xử lý tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/5/2018 giữa ông Nguyễn Hải Đ, bà Trịnh Thị Huyền T với VPBank và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/5/2018 giữa ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu H với VPBank đều có thỏa thuận: "*Tài sản thế chấp được bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Bên vay với Bên ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung các Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này*". Như vậy, tài sản đảm bảo tại các hợp đồng thế chấp này vẫn đảm bảo cho các khoản vay của Công ty K.H.V tại VPBank tại các Hợp đồng tín dụng được ký sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp này. Do đó, khi Công ty K.H.V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Hải Đ, bà Trịnh Thị Huyền T; ông Nguyễn Hữu Mạnh, bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tại các Hợp đồng thế chấp. Hiện trạng tài sản không có sự thay đổi kể từ thời điểm thế chấp đến nay nên

việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên quyền phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13] Xét việc xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe oto Mazda: Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 090218-4117956-01-SME/TC ngày 12/02/2018 giữa Công ty K.H.V và Ngân hàng có thỏa thuận về nghĩa vụ được đảm bảo và thời hạn thế chấp, theo đó: Tài sản thế chấp được bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ- bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ tất các các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng, văn bản đó ký giữa bên Ngân hàng và bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 12/02/2018 đến ngày 12/02/2021". Như vậy, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 270121-4117956-01-SME ngày 19/8/2021 được ký kết sau khoản thời gian trên nên tài sản thế chấp là xe ôtô không đảm bảo cho khoản vay này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên VPBank có quyền yêu cầu phát mại xe ôtô để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay tại 03 Hợp đồng tín dụng là không đúng quy định của pháp luật.

[14] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên VPBank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản trong trường hợp nếu tìm thấy xe là chưa đúng; bởi: Theo khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ của bên thế chấp thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự. Điều 299 Bộ luật Dân sự quy định về các trường hợp xử lý tài sản đảm bảo. Theo Phiếu trả lời xác ninh của Đội Đăng ký xe - Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt thể hiện, hiện nay, chiếc xe không thay đổi, không thể hiện về việc sang tên, chuyển nhượng cho ai. Mặt khác, Công ty K.H.V là bị đơn không có mặt tại phiên tòa; quá trình giải quyết vụ án, Công ty K.H.V và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để làm việc nhiều lần nhưng không có mặt, không cung cấp ý kiến về việc khởi kiện cho Tòa án, đồng thời cũng không phối hợp, cung cấp thông tin xe ô tô Mazda cho Tòa án; do đó việc Tòa án đã nhận định xe ô tô không được tìm thấy là chưa chính xác, chưa đảm bảo khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp thêm một số tài liệu về lãi suất và bảng thanh toán nên cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 230 Bộ luật Dân sự

- *Về án phí kinh doanh thương mại:* Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, vì vậy Công ty K.H.V phải chịu số tiền là 114.235.094 đồng án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm. Trả lại cho VPBank số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.930.000 đồng.

[16] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo của bà T, bà H không được chấp nhận nhưng Bản án sơ thẩm có sửa theo phân tích trên nên bà T, bà H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 266; Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, khoản 6 Điều 320, Điều 335, Điều 339, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H và bà Trịnh Thị Huyền T, sửa Bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV:

1.1 Buộc Công ty Cổ phần K.H.V phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền tạm tính đến 20/4/2023 là 6.235.093.500 *(Sáu tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm)* đồng (trong đó: Nợ gốc 4.601.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 98.742.242 đồng, lãi quá hạn: 1.519.872.097đồng, phạt lãi chậm trả 15.229.161 đồng), cụ thể từng hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018, Công ty Cổ phần K.H.V còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng cộng là 37.664.477 đồng (trong đó: Nợ gốc 31.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 181.149 đồng, lãi quá hạn: 6.206.379 đồng, phạt lãi chậm trả 26.949 đồng).

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121-4117956-01-SME ngày 27/01/2021, Công ty K.H.V còn nợ VPBank tổng cộng là 3.919.406.680 đồng (trong đó: Nợ gốc 2.740.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 77.235.067 đồng, lãi quá hạn: 1.090.258.868 đồng, phạt lãi chậm trả 11.912.745 đồng).

+ Hợp đồng cho vay hạn mức 270121-4117956-01-SME ngày 19/08/2021, Công ty Cổ phần K.H.V còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng cộng:

2.278.022.343 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.830.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 21.326.026 đồng, lãi quá hạn: 423.406.850 đồng, lãi phạt chậm trả 3.289.467 đồng).

Công ty Cổ phần K.H.V tiếp tục phải chịu các khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV kể từ ngày 20/4/2023 đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trong trường hợp Công ty Cổ phần K.H.V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ, cụ thể tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 264 (tách từ thửa 01), tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại Tổ dân phố Trung Hành 8, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CC561236, số vào sổ cấp GCN CS07723 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/02/2016 cho ông Nguyễn Hữu Mạnh và bà Nguyễn Thị Thu Hà theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2726/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 170, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại 20/1/315 đường Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CK879786, số vào sổ cấp GCN CH19279 do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền cấp ngày 15/12/2017 cho ông Nguyễn Hải Đ và bà Trịnh Thị Huyền T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của người khác số công chứng 2725/2018, quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2018.

+ Công ty Cổ phần K.H.V phải giao tài sản thế chấp là 01 xe oto Mazda, kiểm biển soát 15C-285.62, số khung 4DDXJW731081, số máy P4AT2449948 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060612 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2018, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2018 mang tên Công ty Cổ phần K.H.V cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ. Trường hợp Công ty Cổ phần K.H.V và Ngân hàng không thống nhất được phương án xử lý thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại để thu hồi nợ tại Hợp đồng cho vay số 090218-4117956-01-SME ngày 12/02/2018; Hợp đồng cho vay hạn mức số 250121.4117956-01-SME ngày 27/01/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo đã ký.

Nếu các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV thì ông Nguyễn Trung K và ông Nguyễn Hải Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần K.H.V phải nộp 114.235.094 (Một trăm mười bốn triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi tư) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.930.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006763 ngày 17/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Trả lại cho bà Trịnh Thị Huyền T và bà Nguyễn Thị Thu H mỗi người số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006897 ngày 08/6/2023 và số 0006896 ngày 08/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà